

PHÁP LUẬT VỀ GIÁM SÁT CỦA NHÂN DÂN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

■ TS. LÊ THỊ THIỀU HOA* & ThS. HÒA THỊ THỦY**

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu, đánh giá quy định pháp luật hiện hành về giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp tại Việt Nam, từ đó đưa ra một số đề xuất hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp trong thời gian tới.

Từ khóa: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; giám sát của Nhân dân; hoạt động tư pháp; quyền lực nhà nước.

Nhận bài: 10/8/2024

Hoàn thành biên tập: 28/8/2024

Duyệt đăng: 04/9/2024

Abstract: The article studies and evaluates current legal regulations on people's supervision of judicial activities in Vietnam, thereby proposing some proposals to improve the law to enhance the effectiveness of people's supervision of judicial activities in the coming time.

Keywords: Socialist rule of law state of Vietnam; people's supervision; judicial activities; state power.

Article received: 10/8/2024

Editing completed: 28/8/2024

Approved for publication: 04/9/2024

1. Đặt vấn đề

Trong cơ chế giám sát đối với quyền lực nhà nước, giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp là một hình thức giám sát mang tính xã hội có tính chất đặc thù. Việc tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp sẽ góp phần đáp ứng ngày càng tốt hơn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hơn yêu cầu bảo vệ công lý, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân.

2. Quan niệm về giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp

Giám sát của Nhân dân đã được ghi nhận trong một số văn kiện của Đảng, trong Hiến pháp cũng như trong một số văn bản quy phạm pháp luật¹. Tuy nhiên, cho đến nay, khái niệm này vẫn chưa được định nghĩa một cách chính thức trong văn bản quy

phạm pháp luật nào, mà chỉ được đề cập trong một số công trình nghiên cứu, bài viết với các cách tiếp cận và diễn đạt khác nhau. Thông thường, giám sát của Nhân dân được sử dụng để phân biệt các loại hình giám sát có tính chất khác nhau, tức là giám sát mang tính Nhân dân hoặc giám sát mang tính quyền lực nhà nước. Trong một nghiên cứu của tác giả Đào Trí Úc đã khái quát 09 nội dung cơ bản trong hoạt động giám sát của Nhân dân, bao gồm: (i) Không phải là giám sát có tính quyền lực vì không phải do cơ quan nhà nước thực hiện; (ii) Có tính độc lập và có tính công khai lớn, không lệ thuộc vào cơ quan nhà nước; (iii) Do những người, tổ chức có uy tín thực hiện, không chỉ dựa vào luật pháp mà còn dựa vào đạo lý, quy tắc ứng xử, chuyên môn nghề nghiệp; (iv) Phải thuận tiện cho người dân; (v) Không tốn kém cho ngân sách của Nhà nước như hình thức giám sát

* Phó Viện trưởng Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý

** Nghiên cứu viên chính, Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý

của Nhà nước; (vi) Có nhiều hình thức đa dạng; (vii) Vừa có tính chuyên nghiệp và vừa có tính xã hội; (viii) Hỗ trợ cho hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát của Nhà nước; (ix) Hậu quả pháp lý không phải là xử lý trực tiếp mà kiến nghị, đề đạt tới Đảng, Nhà nước². Tác giả Hoàng Minh Hội cho rằng, giám sát của Nhân dân là do Nhân dân thực hiện với tư cách là cá nhân, công dân hay cộng đồng thông qua các hình thức phù hợp (trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức của Nhân dân)³. Một số nghiên cứu khác sử dụng khái niệm “giám sát xã hội” - một khái niệm có tính chất tương đồng với khái niệm “giám sát của Nhân dân”⁴. Về cơ bản, các nghiên cứu đều cho rằng, bản chất của giám sát xã hội là sự theo dõi, quan sát, xem xét, đánh giá của xã hội đối với tổ chức và hoạt động của các cơ quan thực thi quyền lực nhà nước nhằm mục đích bảo đảm cho việc vận hành quyền lực nhà nước đúng pháp luật, có hiệu lực và hiệu quả. Giám sát xã hội đã được ghi nhận chính thức trong Hiến pháp năm 2013 khi bàn về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Điều 25 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 khẳng định: Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mang tính xã hội; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý sai phạm, khuyết điểm; kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, các điển hình tiên tiến và những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, góp phần xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Từ các quan niệm trên, có thể hiểu, giám sát của Nhân dân là việc người dân trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức đại diện (tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội...) theo dõi, phát hiện, xem xét, đánh giá và kiến nghị đối với việc thực thi quyền lực của các cơ quan nhà nước nhằm bảo đảm cho việc thực

thi quyền lực đó được vận hành đúng khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Vậy, giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp được hiểu như thế nào? Về bản chất, hoạt động tư pháp là việc hiện thực hóa quyền tư pháp - là một trong ba nhánh quyền lực hợp thành quyền lực nhà nước. Cho đến nay, chưa có tài liệu chính thức giải thích rõ khái niệm hoạt động tư pháp, vì thế, cho đến nay, quan niệm về loại hoạt động tư pháp vẫn là vấn đề còn tranh luận trong giới khoa học pháp lý. Tuy nhiên, nhiều quan điểm đồng tình rằng, hoạt động tư pháp bao gồm hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án⁵. Do đó, trong bài viết này, hoạt động tư pháp với tính chất là đối tượng giám sát của Nhân dân sẽ được hiểu bao gồm tất cả các hoạt động do các chủ thể có thẩm quyền tiến hành trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, trong đó, hoạt động trọng tâm chính là hoạt động xét xử của Tòa án.

Như vậy, giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp có thể hiểu là việc người dân trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức đại diện theo dõi, xem xét, đánh giá và kiến nghị đối với việc thực thi quyền lực nhà nước của các cơ quan, cá nhân được pháp luật trao thẩm quyền trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án nhằm bảo đảm cho hoạt động tư pháp được thực hiện đúng khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý, ngoài những đặc điểm chung của hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước, hoạt động tư pháp còn có đặc trưng riêng nên việc giám sát đối với hoạt động này cũng cần có sự tôn trọng những đặc điểm riêng đó. Đó là, hoạt động tư pháp luôn được thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn, thời hiệu hết sức chặt chẽ theo quy định của pháp luật; hoạt động tư pháp

mang tính độc lập cao, không ai có quyền can thiệp, chỉ đạo, mệnh lệnh để hoạt động tư pháp được thực hiện trái pháp luật. Đặc biệt, đối với hoạt động xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm⁶. Hiểu rõ đặc trưng của hoạt động tư pháp sẽ giúp cho việc giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp đạt hiệu quả tốt hơn.

3. Vai trò giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Thứ nhất, giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp góp phần thực hiện quyền dân chủ của Nhân dân trong Nhà nước pháp quyền.

Xét về bản chất, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Từ đó, hình thành một nhu cầu tất yếu khách quan - Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân thì phải luôn lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của người dân, còn người dân thì phải có trách nhiệm giám sát các hoạt động mà Nhà nước thực hiện. Một mặt, người dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân, do Nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước Nhân dân. Mặt khác, công dân cũng có thể sử dụng quyền lực của mình một cách trực tiếp thông qua việc giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước và công chức thi hành công vụ để bảo đảm các hoạt động này tuân thủ đúng Hiến pháp, pháp luật.

Xét về quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân, Nhà nước phải gắn bó mật thiết với Nhân dân, lấy phục vụ Nhân dân làm mục đích hoạt động và luôn chịu

sự giám sát của Nhân dân là một đặc điểm nổi trội của hệ thống chính trị trong một chế độ dân chủ. Giám sát của Nhân dân không chỉ là việc phát huy quyền dân chủ của người dân và các tổ chức của họ, mà thực chất còn là sự huy động và tập trung trí tuệ của toàn dân vào giải quyết công việc chung của hệ thống công quyền trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước⁷. Do đó, giám sát của Nhân dân có ý nghĩa chính trị sâu sắc, phản ánh mối quan hệ mật thiết giữa Nhà nước với Nhân dân.

Thứ hai, giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp - một phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước.

Việc kiểm soát quyền lực là nhu cầu khách quan của bất kỳ hệ thống quyền lực nhà nước nào, đặc biệt trong Nhà nước pháp quyền, khi mọi quyền lực đều thuộc về Nhân dân và cơ chế để thực hiện quyền làm chủ đó chính là cơ chế ủy quyền. Nhân dân không ủy quyền hoàn toàn mà giữ lại một số quyền như quyền giám sát việc thực thi quyền được ủy nhiệm. Cho nên, giám sát cũng có vai trò như là một công cụ kiểm soát quyền lực của Nhân dân sau khi ủy quyền. Quyền tư pháp là một trong ba nhánh quyền hợp thành quyền lực nhà nước. Cũng như quyền lập pháp và quyền hành pháp, quyền tư pháp phải được kiểm soát chặt chẽ. Khi Nhân dân ủy quyền cho các cơ quan tiến hành hoạt động tư pháp thì cũng là lúc có thể xuất hiện khả năng lạm quyền, tùy tiện. Nếu hoạt động tư pháp được thực hiện nghiêm chỉnh, đúng đắn sẽ tạo ra niềm tin của người dân vào công lý. Ngược lại, sự tùy tiện, sai sót trong hoạt động tư pháp có thể dẫn đến việc vi phạm nghiêm trọng các quyền cơ bản của công dân, niềm tin vào công lý bị giảm sút.

Để khắc phục sự lạm quyền cũng như những vi phạm, sai sót trong hoạt động tư pháp, bên cạnh

việc tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm soát do các cơ quan Đảng, Nhà nước tiến hành, việc thiết lập cơ chế giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp là thực sự cần thiết. Vì giám sát của Nhân dân có nhiều ưu điểm, tính linh hoạt, được thực hiện ở mọi lúc, mọi nơi, có sự tham gia rộng rãi và có tính khách quan cao nên nó có khả năng kiểm soát hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện hoạt động tư pháp mà các kênh giám sát còn lại không có được.

Thứ ba, giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp góp phần bảo đảm hoạt động tư pháp đúng đắn, hiệu quả.

Giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp tuy không mang tính quyền lực nhà nước, không có tính cưỡng chế hoặc không làm phát sinh những hậu quả pháp lý nhưng kết quả của nó có ý nghĩa rất lớn. Thực hiện quyền giám sát, Nhân dân có quyền phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đến các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nếu thấy rằng việc thực thi quyền lực tư pháp không được thực hiện độc lập hoặc có vi phạm pháp luật. Thông qua những phản ánh của Nhân dân, các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền thực hiện hoạt động tư pháp cũng phải thận trọng hơn, độc lập hơn khi giải quyết vụ việc; các cơ quan tư pháp, cán bộ, công chức của các cơ quan tư pháp sẽ hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, giới hạn quyền lực được giao; khắc phục tình trạng oan, sai trong điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử, thi hành án góp phần phòng ngừa, ngăn chặn, răn đe các vi phạm trong quá trình thực hiện. Đây chính là cơ sở quan trọng bảo đảm cho các hoạt động tư pháp được thực hiện đúng pháp luật, khách quan, khoa học, hiệu quả góp phần xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý; giữ vững

bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Thứ tư, giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp góp phần bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp.

Bảo đảm quyền con người, quyền công dân là mục tiêu, là động lực cao nhất, là mục tiêu cao cả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam⁸. Trong lĩnh vực tư pháp, việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân có ý nghĩa rất quan trọng. Bởi đây là lĩnh vực trực tiếp liên quan đến tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của con người, nơi công lý cần được bảo vệ ở mức cao nhất. Hoạt động tư pháp có thể tác động đến quyền con người, quyền công dân từ hai góc độ: (i) Quyền con người, quyền công dân trực tiếp gắn liền với vi phạm pháp luật, với tranh chấp, với các phán quyết tư pháp. Giám sát việc bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong trường hợp này chính là giám sát để bảo đảm các cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết đúng đắn, khách quan, công bằng, không thiên vị các vi phạm pháp luật, các tranh chấp, các yêu cầu của công dân; bảo đảm mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật; (ii) Trong quá trình thực hiện các hoạt động tư pháp, cơ quan, người có thẩm quyền tố tụng được pháp luật giao áp dụng các biện pháp cưỡng chế liên quan đến quyền con người, quyền công dân. Giám sát việc bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong trường hợp này chính là giám sát để cơ quan, người có thẩm quyền không lạm dụng áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng; bảo đảm để các biện pháp cưỡng chế được áp dụng đúng thẩm quyền, đúng điều kiện và đúng thủ tục tố tụng luật định... Vì vậy, việc tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp sẽ góp phần đáp ứng

ngày càng tốt hơn, hiệu quả hơn yêu cầu bảo vệ công lý, bảo đảm quyền con người cũng như xây dựng môi trường pháp lý lành mạnh, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hội nhập quốc tế của đất nước.

4. Thực trạng pháp luật về giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp tại Việt Nam hiện nay

4.1. Quan điểm của Đảng về giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp

Vấn đề giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp được đề cập khá sớm trong nhiều văn bản như: Nghị quyết số 08-NQ/HNTW ngày 23/01/1995 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính; Nghị quyết số 03-NQ/HNTW ngày 18/6/1997 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020... Trong đó, thể hiện rõ quan điểm của Đảng trong việc tăng cường sự giám sát của các cơ quan dân cử và Nhân dân đối với các cơ quan tư pháp, tập trung vào lĩnh vực bắt, tạm giữ, tạm giam, truy tố, xét xử, thi hành án...

Hiện nay, trong bối cảnh Đảng, Nhà nước đang đẩy mạnh công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phục vụ Tổ quốc, phụng sự Nhân dân. Hoạt động tư pháp phải có trọng trách bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân⁹. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (Nghị quyết số 27-NQ/TW) đã khẳng định: “Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả các cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước của Đảng, Nhà nước và Nhân dân”; “xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân”... Đặc biệt, Nghị quyết số 27-NQ/TW còn nhấn mạnh: “Đổi mới và nâng cao hiệu quả cơ chế Nhân dân tham gia xét xử tại Tòa án”; “xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; bảo đảm tố tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân”; “hoàn thiện thể chế về luật sư và hành nghề luật sư, bảo đảm để luật sư thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật”... Đây là những định hướng quan trọng để tăng cường hiệu quả giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp trong thời gian tới.

4.2. Quy định của pháp luật về giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp

Trên cơ sở các quan điểm, chủ trương của Đảng, hệ thống pháp luật Việt Nam đã quy định ngày càng đầy đủ và hoàn thiện hơn về vấn đề giám sát của Nhân dân đối với tổ chức và hoạt động của cơ quan nhà nước nói chung và đối với hoạt động tư pháp nói riêng. Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp (Điều 2); quyền lực nhà nước, trong đó có quyền tư pháp, là của Nhân dân, cho nên Nhân dân có quyền giám sát các hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước, bao gồm cả hoạt động tư pháp; Nhà nước bảo đảm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân (Điều 3); các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân (Điều 8). Bên cạnh đó, Hiến pháp năm 2013 cũng tiếp tục khẳng định các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin (Điều 25); quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội (Điều 28); quyền trưng cầu ý dân (Điều 29); quyền khiếu nại, tố cáo (Điều 30); chức năng giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Điều 9). Đây có thể xem là cơ sở pháp lý nền tảng để các cá nhân, tổ chức thực hiện quyền giám sát của mình. Đặc biệt, trong lĩnh vực tư pháp, Hiến pháp năm 2013 cũng quy định việc xét xử sơ thẩm của Tòa án phải có sự tham gia của Hội thẩm (đại diện cho Nhân dân) trừ

trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn; Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳ hình thức nào...

Thể chế hóa Hiến pháp năm 2013, quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp được quy định cụ thể trong nhiều văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp như: Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) (gọi tắt là Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015); Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và năm 2024; Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014; Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015; Luật Thi hành án hình sự năm 2019; Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)... Trong đó, quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp đã được ghi nhận qua một số điều khoản như sau: Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải tôn trọng Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân¹⁰; Thẩm phán tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân¹¹; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác của Viện kiểm sát tôn trọng và chịu sự giám sát của Nhân dân¹²... Đây cũng là các văn bản quy phạm pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định chủ thể, nội dung, phương thức giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

Về chủ thể giám sát: Từ góc độ Nhân dân, chủ thể giám sát hoạt động tư pháp khá đa dạng, bao gồm cá nhân công dân; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức xã hội khác và cơ quan báo chí, truyền thông.

Cá nhân công dân thực hiện giám sát thông qua việc tham gia vào hoạt động tư pháp với các vai trò khác nhau. Họ có thể là người được bầu để tham gia vào hoạt động tố tụng tư pháp như Hội thẩm nhân dân, Hội thẩm quân nhân. Họ có thể là công dân có quyền, nghĩa vụ trực tiếp có liên quan thực hiện các quyền tố tụng tư pháp được quy định như quyền yêu cầu, kiến nghị các cơ quan tiến hành tố tụng, quyền khiếu nại, tố cáo đối với người và hoạt động tố tụng tư pháp. Đây là các chủ thể giám sát quan trọng đối với hoạt động tư pháp. Họ cũng có thể là người bị buộc tội, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong tố tụng hình sự; nguyên đơn, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong tố tụng dân sự; người khởi kiện, người bị kiện trong tố tụng hành chính... Họ sẽ là người “nhảy cảm” nhất với các quyết định, phán quyết trong hoạt động tư pháp và có “động lực” nhất trong việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kịp thời xử lý các vi phạm trong hoạt động tư pháp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Các cơ quan báo chí, truyền thông cũng có thể được xem là một chủ thể có đủ điều kiện, đủ khả năng để thực hiện giám sát nhờ quyền tự do tìm kiếm thông tin và phản ánh hiện thực đời sống xã hội. Người dân do các điều kiện khách quan và sự giới hạn thông tin nên cần nhờ đến báo chí như là kênh kết nối thông tin giúp họ khắc phục những rào cản đó. Báo chí vừa được xem là chủ thể giám sát, vừa là phương tiện có thể chuyển tải những thông tin phản hồi từ xã hội đến các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình giám sát hoạt động tư pháp.

Đặc biệt, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội có tính chất rộng rãi và bao trùm lên hoạt động của các tổ chức xã hội là chủ thể có khả năng, điều kiện tham gia giám sát nhiều

nhất. Được xem là một bộ phận của hệ thống chính trị, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, một mặt, có chức năng tuyên truyền, vận động, đoàn kết các tầng lớp Nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước (xét đến cùng cũng là vì lợi ích của Nhân dân); mặt khác, đây cũng là tổ chức trực tiếp có chức năng đại diện cho quyền lợi của Nhân dân, mà giám sát xã hội chính là một trong những hình thức bảo đảm cho chức năng đó được thực hiện. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 và các luật tố tụng, luật tổ chức các cơ quan tư pháp đều có quy định về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc giám sát hoạt động của Tòa án¹³, Cơ quan điều tra¹⁴, Viện kiểm sát¹⁵, cơ quan thi hành án dân sự¹⁶, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong thi hành án hình sự¹⁷; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng¹⁸.

Về đối tượng giám sát: Đối tượng giám sát là hoạt động tư pháp, bao gồm hoạt động xét xử thực hiện quyền tư pháp của Tòa án; hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố của cơ quan có thẩm quyền điều tra, Viện kiểm sát; hoạt động thi hành án của cơ quan, người có thẩm quyền thi hành án... Hoạt động tư pháp cũng có những đặc trưng riêng như: Đây là hoạt động liên quan đến quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; hoạt động tư pháp tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng tư pháp vô cùng chặt chẽ. Các bản án, quyết định tư pháp được tổ chức thi hành bằng các cơ quan cưỡng chế nhà nước, nếu có sai sót thì cũng được khắc phục, sửa chữa bằng các thủ tục tố tụng tư pháp; mang tính độc lập cao, không ai có quyền can thiệp, chỉ đạo, mệnh lệnh để hoạt động tư pháp được thực hiện trái pháp luật. Vì vậy, khi nói đến việc Nhân dân giám sát hoạt động tư pháp cũng phải

lưu ý nguyên tắc bảo đảm cho hoạt động tư pháp độc lập; bảo đảm Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Về nội dung giám sát: Nội dung giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp chính là việc tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật trong việc thực hiện hoạt động tư pháp của các đối tượng giám sát. Theo đó, các nội dung giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp được xác định bao gồm¹⁹: (i) Giám sát việc thực hiện các nguyên tắc của hoạt động tư pháp; (ii) Giám sát việc tuân thủ, chấp hành và áp dụng pháp luật trong các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; (iii) Giám sát việc thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của cán bộ, công chức được trao quyền trong việc thực hiện các hoạt động tư pháp; (iv) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp. Với mỗi đối tượng thì nội dung giám sát lại có phạm vi riêng nhưng đều có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, cùng thực hiện chức năng giám sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp và cùng hướng đến mục đích chung là nhằm bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về phương thức giám sát: Pháp luật quy định khá phong phú và đa dạng các phương thức giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp, cụ thể như: (i) Người dân được tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm²⁰; (ii) Nhân dân trực tiếp tham gia vào hoạt động tư pháp với các vai trò như tham gia Hội đồng xét xử với tư cách là Hội thẩm nhân dân²¹, tham dự phiên tòa²², tham gia phiên tòa với tư cách đương sự, người làm chứng, người bào chữa²³, tham gia công tác thi hành án²⁴; (iii) Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về việc vi phạm pháp luật của cá nhân, cơ quan, người tiến hành tố tụng. Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, vai trò giám sát đối với hoạt động

tư pháp thể hiện thông qua việc tham gia trực tiếp vào việc bầu Hội thẩm nhân dân; tham gia vào Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán; cử người bào chữa, đại diện cho thành viên của mình trong các vụ án hình sự, dân sự, hành chính; tham gia công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, đặc xá²⁵; nếu phát hiện hành vi trái pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có quyền kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét, giải quyết²⁶. Hiện nay, người dân thực hiện giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng đang là xu thế ngày càng mở rộng phạm vi, đa dạng về công cụ hỗ trợ góp phần hoàn thiện và phong phú thêm các hình thức giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp, bảo đảm cho Nhân dân thực hiện tốt hơn, hiệu quả hơn quyền làm chủ của mình...

4.3. Một số bất cập, hạn chế trong quy định của pháp luật về giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp

Từ những phân tích trên cho thấy, giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp đã được pháp luật quy định tương đối đầy đủ cả về quyền giám sát của Nhân dân với các phương thức khác nhau, cũng như trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc thực hiện hoạt động tư pháp. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quy định pháp luật về giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp vẫn còn một số hạn chế, bất cập làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động này. Cụ thể:

Thứ nhất, một số quy định pháp luật về giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp còn tản mát trong nhiều văn bản pháp luật. Rà soát hệ thống pháp luật hiện hành cho thấy, bên cạnh quy định của Hiến pháp, pháp luật về giám sát của Nhân dân đối

với hoạt động tư pháp tại Việt Nam còn được ghi nhận trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm cả các luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, các luật về tố tụng tư pháp và một số văn bản luật, dưới luật khác có liên quan... Chẳng hạn, đối với Hội thẩm, ngoài Hiến pháp còn có một số văn bản luật và dưới luật quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Hội thẩm; chế độ bầu, cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm²⁷... gây không ít khó khăn cho việc xác định địa vị pháp lý cũng như thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm.

Thứ hai, một số quy định của pháp luật về giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp còn chưa bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất. Điều 8 Hiến pháp năm 2013 ghi nhận “cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân”, khoản 1 Điều 13 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 22 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, khoản 2 Điều 76 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 (khoản 2 Điều 103 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024) Điều 59 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 đều quy định trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là phải tôn trọng Nhân dân và “chịu sự giám sát của Nhân dân”. Tuy nhiên, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 lại không có điều luật nào khẳng định trách nhiệm của các cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng trong việc chịu sự giám sát của Nhân dân, vai trò giám sát của Nhân dân chỉ được thể hiện thông qua các quyền cụ thể của người tham gia tố tụng. Điều 33 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về quyền giám sát của cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, đại biểu dân cử đối với hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nhưng cũng không

đề cập đến vai trò giám sát của Nhân dân. Việc ghi nhận có tính nguyên tắc về vai trò giám sát của Nhân dân sẽ là cơ sở nền tảng quan trọng để tăng cường, bảo đảm và thực thi hiệu quả quyền của chủ thể này trong các giai đoạn tố tụng.

Thứ ba, một số quy định của pháp luật vẫn còn hình thức, chưa đầy đủ, chưa thực sự phát huy hết tính dân chủ, tinh thần tranh tụng được coi là đột phá trong cải cách tư pháp²⁸. Các quy định về địa vị pháp lý của Hội thẩm, cơ chế bầu, cử Hội thẩm và thực trạng hoạt động của Hội thẩm vẫn còn một số vấn đề vướng mắc, bất cập khiến việc Hội thẩm tham gia hoạt động xét xử của Tòa án ở khía cạnh nào đó còn mang tính hình thức²⁹. Dù pháp luật đã quy định về quyền tranh tụng để các đương sự bảo vệ quyền, lợi ích của mình nhưng các quyền đó vẫn khó thực thi trên thực tế do còn thiếu các bảo đảm pháp lý như: Thiếu quy định cụ thể về thời điểm thông báo lý do bị khởi tố cho bị can theo Điều 60 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (khi nhận quyết định khởi tố bị can hay khi hỏi cung bị can); quyền của người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong một số trường hợp còn chưa đầy đủ, cụ thể (quyền gặp riêng bị can; quyền tiếp cận hồ sơ vụ án bất kỳ lúc nào; quy trình, thời hạn thu thập, giao nộp chứng cứ; sự tham gia của luật sư vào quá trình thi hành án dân sự...).

Bên cạnh đó, quy định về việc bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng, bị hại và người tham gia tố tụng khác vẫn còn bất cập. Một số chủ thể tham gia tố tụng có nguy cơ bị xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp do tội phạm gây ra nhưng lại không thuộc đối tượng được bảo vệ theo Điều 484 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 như: Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân bị thiệt hại³⁰; người báo tin về tội phạm, người chứng kiến

và người phiên dịch, người dịch thuật. Thiếu các hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp bảo vệ dẫn đến khó khăn khi áp dụng...

Thứ tư, mặc dù Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 đã quy định cụ thể về hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc nhưng đây là các quy định giám sát có tính chất chung, chưa có quy định thể hiện tính đặc thù đối với giám sát hoạt động tư pháp (về nội dung, phạm vi, phương pháp giám sát); chưa xác định rõ vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc giám sát đối với hoạt động tư pháp.

5. Một số đề xuất hoàn thiện pháp luật giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp

Một là, trên cơ sở quy định của Hiến pháp, các quy định chung về giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của Nhà nước, giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp nên được quy định cụ thể hơn trong các luật về tư pháp, đặc biệt là các luật tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong hệ thống tư pháp, các luật tố tụng tư pháp. Trong đó, cần ghi nhận đầy đủ các phương thức, hình thức giám sát của Nhân dân được thực hiện trong mỗi giai đoạn tố tụng, trong các trường hợp cụ thể là những phương thức, hình thức nào, giá trị pháp lý của kết quả giám sát của Nhân dân là gì... Việc thể chế hóa cần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, bảo đảm quyền của người dân gắn liền với trách nhiệm của các cơ quan nhà nước để nâng cao hiệu quả thực thi. Bên cạnh đó, cũng cần rà soát các văn bản pháp luật có liên quan như Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 và một số văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức bộ máy; tiếp cận thông tin; dân chủ ở cơ sở; phòng, chống tham nhũng; báo chí, truyền thông... tạo môi trường, cơ sở nền tảng hỗ trợ việc thực hiện quyền giám sát của người dân

đối với hoạt động tư pháp.

Hai là, hoàn thiện một số quy định của pháp luật tố tụng (Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015...) để việc giám sát của Nhân dân vào các hoạt động tư pháp thực sự có chất lượng và hiệu quả hơn. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến việc hoàn thiện chế định Hội thẩm, để Hội thẩm nhân dân thực sự đóng vai trò là người đại diện của Nhân dân như: Sửa đổi quy định về việc phân công Hội thẩm tham gia xét xử theo hướng Tòa án yêu cầu và đoàn Hội thẩm sẽ cử Hội thẩm tham gia xét xử để bảo đảm tính khách quan; nghiên cứu để xác định số lượng và quyền hạn phù hợp của Hội thẩm trong Hội đồng xét xử đối với các vụ án hình sự, dân sự và hành chính; nghiên cứu để xác định đúng vai trò của Hội thẩm trong hoạt động xét xử, không nên quy định Hội thẩm có các quyền như Thẩm phán để tránh gây sức ép lên Hội thẩm; quy định rõ về thủ tục, thời gian Hội thẩm tham gia xét xử sơ thẩm để bảo đảm Hội thẩm có đủ thời gian nghiên cứu vụ án và thực hiện tốt vai trò của mình...

Bên cạnh đó, cần nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật liên quan đến quyền của người tham gia tố tụng và bảo đảm để tổ chức, cá nhân thực hiện các quyền đó bảo vệ tốt quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình. Ví dụ: Mở rộng các trường hợp người bị buộc tội được chỉ định bào chữa (tại điểm a khoản 1 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015) đối với các tội có mức cao nhất của khung hình phạt là trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân, tử hình; quy định cụ thể về quyền tiếp cận các thông tin, chứng cứ, tài liệu, quyền sao chụp hồ sơ vụ án; quy định đầy đủ, cụ thể cơ chế bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng, bị hại và người tham gia tố tụng khác...

Ba là, Nhân dân có quyền thì song hành với với quyền ấy chính là trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền. Đây là mối quan hệ tương hỗ không thể tách rời trong việc hình thành nên cơ chế giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của cơ quan tư pháp. Vì vậy, cần đặc biệt nhấn mạnh đến trách nhiệm pháp lý của các cơ quan tư pháp trong việc bảo đảm quyền giám sát của Nhân dân, có cơ chế hữu hiệu công khai hóa mọi hành vi tố tụng, thông tin tố tụng, bảo đảm người dân có thể dễ dàng tiếp cận các thông tin tố tụng thông qua các kênh chính thức của cơ quan tư pháp hoặc qua các phương tiện truyền thông. Đồng thời, nhấn mạnh trách nhiệm của cơ quan tư pháp trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin tư pháp của các cơ quan báo chí, truyền thông³¹.

Bốn là, tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc giám sát đối với hoạt động tư pháp. Cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện cơ chế giám sát hoạt động tư pháp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam một cách đồng bộ giữa luật về tổ chức và hoạt động của Mặt trận với các luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, các luật về tố tụng... Đặc biệt, một số vấn đề

về quyền giám sát, phạm vi đối tượng và nội dung giám sát, phương thức giám sát, quyền và trách nhiệm của các chủ thể chịu sự giám sát cần được quy định cụ thể, khoa học nhằm phát huy tác dụng tích cực của công tác giám sát nhưng không ảnh hưởng tới tính độc lập tư pháp. Cùng cố vai trò và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong quy trình tuyển chọn, giám sát Thẩm phán, Kiểm sát viên để Mặt trận thực hiện tốt hơn vai trò của mình, lựa chọn được ứng cử viên có năng lực và có phẩm chất đạo đức tốt để trở thành Thẩm phán và Kiểm sát viên.

6. Kết luận

Như vậy, giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp góp phần thực hiện quyền dân chủ của Nhân dân trong Nhà nước pháp quyền. Đây là một trong những phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước góp phần bảo đảm hoạt động tư pháp đúng đắn, hiệu quả; bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp. Do vậy, giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp nên được quy định cụ thể hơn trong các luật về tư pháp, đặc biệt là các luật tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong hệ thống tư pháp, các luật tố tụng tư pháp □

1. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, XI, XII, XIII của Đảng; Điều 8 Hiến pháp năm 2013.

2. Đào Trí Úc (chủ biên), *Cơ chế giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của bộ máy Đảng và Nhà nước: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2010, tr. 125 - 129.

3. TS. Hoàng Minh Hội (chủ biên), *Cơ chế pháp lý về giám sát của Nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2019, tr. 10.

4. TS. Dương Thị Thanh Mai, ThS. Lê Thị Thiệu Hoa, *Giám sát xã hội và phân biện xã hội - Cơ sở lý luận, thực tiễn và tác động của nó đến việc phát huy dân chủ, thực thi quyền lực chính trị ở nước ta*, Chuyên đề nhánh của Đề tài cấp Nhà nước, mã số: KX.02.06/06-10; TS. Nguyễn Mạnh Bình (Sách tham khảo), *Hoàn thiện cơ chế pháp lý giám sát xã hội đối với việc thực thi quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2012, tr. 15; PGS.TS. Tạ Ngọc Tấn, *Giám sát xã hội như một giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí*, Tạp chí Cộng sản (số 16), tháng 6/2006; PGS.TS. Trần Hậu, *Các hình thức và giải pháp thực hiện giám sát xã hội và phân biện xã hội đối với tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước, mã số KX.10.06/06-10, tr. 56.

5. Điều 367 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định khách thể của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp đã định nghĩa một cách gián tiếp “các tội xâm phạm hoạt động tư pháp là những hành vi xâm phạm sự đúng đắn của hoạt động tố tụng và thi hành án”.

6. Khoản 2 Điều 103 Hiến pháp năm 2013.

7. Trần Quang Hải, Phát huy vai trò giám sát, phản biện trong sự nghiệp đổi mới, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/472/phat-huy-vai-tro-giam-sat%2C-phan-bien-xa-hoi-trong-su-nghiep-doi-moi.aspx>, truy cập ngày 01/9/2024.

8. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

9. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, tr. 177.

10. Khoản 1 Điều 13 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 22 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

11. Khoản 2 Điều 76 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.

12. Điều 59 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014.

13. Điều 19 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.

14. Điều 13 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015.

15. Điều 10 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014.

16. Điều 12 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

17. Điều 6 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

18. Khoản 2 Điều 33 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

19. Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp), Cơ sở lý luận và thực tiễn hoàn thiện cơ chế bảo đảm sự giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của cơ quan tư pháp, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội, 2006, tr. 19 - 20.

20. Điều 4 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 5 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

21. Điều 8, Điều 85 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.

22. Điều 25 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

23. Các điều 16, 55, 72, 73, 84... Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

24. Điều 4 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

25. Điều 18, Điều 20 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.

26. Điều 33 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

27. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014; Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm; Nghị quyết số 1214/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân; giấy chứng minh Thẩm phán, giấy chứng minh Hội thẩm; Nghị quyết liên tịch số 05/2005/NQLT/TANDTC-BNV-UBTWMTTQVN ngày 05/12/2005 của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội thẩm Tòa án nhân dân; Thông tư liên tịch số 01/2004/TTLT-TANDTC-UBTWMTTQVN ngày 01/3/2004 của Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn về việc chuẩn bị nhân sự và giới thiệu bầu Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân; Thông tư số 03/2009/TT-TANDTC ngày 05/3/2009 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc giới thiệu bầu và đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện, quận nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân.

28. Nghị quyết số 27-NQ/TW, tldđ.

29. Trần Thị Thu Hằng, Nguyên tắc “Thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” - Thực tiễn thực hiện và kiến nghị, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 7/2018, tr. 48 - 53.

30. Theo Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị hại có thể là cá nhân hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra. Tuy nhiên, nếu căn cứ áp dụng biện pháp bảo vệ tại khoản 1 Điều 486 thì người đại diện theo pháp luật của pháp nhân bị thiệt hại không thuộc trường hợp được bảo vệ.

31. Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp), tldđ, tr. 70.